

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ - ST
Ngày 22 - 4 - 2024
V/v ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Thúy;

Ông Nguyễn Quang Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Ngọc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đại Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Trước đây ở địa chỉ: No. X, Section Y, W Road, L District, T City, Taiwan); (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Y1, xã Y2, huyện Y3, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ hiện tại: Tầng X1, số Z, ngõ Z1, đoạn Z2, đường T1, quận T2, thành phố T3, Đài Loan; (Vắng mặt).

Địa chỉ hiện tại (dịch sang tiếng anh): X1 floor, No.Z, Lane Z1, Section Z2, T1 Road, T2 District, T3 City, Taiwan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2023 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đại Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Trung K đăng ký kết hôn ngày 08/3/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được UBND xã Y2, huyện Y3, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 51, quyền số: 01/2012 vào ngày 08/03/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh K chung sống cùng với bố, mẹ anh K là ông Nguyễn Văn C, bà Tạ Thị L1. Năm 2013 thì chị sinh cháu D, năm 2015 chị sinh cháu D1. Ngày 19 tháng 12 năm 2016 chị đi xuất khẩu lao động sang Đài

Loan. Quá trình chị đi Đài Loan thì anh K và các con của anh chị là cháu D và cháu D1 vẫn ở chung với ông C, bà L1. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi chị sang Đài Loan sinh sống và làm việc thì do khoảng cách địa lý xa xôi, không thường xuyên gặp mặt nên vợ chồng dần dần hết tình cảm. Chị và anh K ngày càng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không hạnh phúc. Vì nghĩ thương con, chúng tôi cũng đã nhiều lần nói chuyện mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Đến ngày 01/10/2023 anh K cũng sang Đài Loan lao động nhưng sau khi anh K sang Đài Loan thì giữa chị và anh K không giải quyết được mâu thuẫn. Nay, sau khi cân nhắc, suy nghĩ kỹ lưỡng và cảm thấy cuộc sống hôn nhân đã quá ngột ngạt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, nên tôi có đơn xin ly hôn anh K. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết cho tôi được ly hôn anh K theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là:

- Cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 11/10/2013, giới tính: Nữ;
- Cháu Nguyễn Trường D1, sinh ngày: 25/11/2015, giới tính: Nam

Về con riêng, con nuôi: Không có

Hiện tại các cháu Nguyễn Thanh D và Nguyễn Trường D1 đang ở cùng với ông nội các cháu là ông Nguyễn Văn C (Sinh năm 1964, CCCD số: 026064010978 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 27/06/2021, địa chỉ: Thôn Y1, xã Y2, huyện Y3, tỉnh Vĩnh Phúc) và bà Tạ Thị L1.

Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Thanh D và Nguyễn Trường D1 cho bố cháu là anh Nguyễn Trung K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Do hiện tại anh K đang làm việc ở Đài Loan, nên chị đồng ý để anh K ủy quyền cho bố để anh K là ông Nguyễn Văn C thay mặt anh K nuôi dưỡng các cháu D và D1 khi anh K không có mặt tại Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (cháu nào đủ 18 tuổi thì không phải cấp dưỡng cho cháu đó nữa).

Về tài sản chung: Chị xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị xác định không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác liên quan đến tài sản: Chị không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình nhà chồng nên chị không đề nghị gì về công sức.

Bị đơn là anh Nguyễn Trung K trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Đại Thị H đăng ký kết hôn năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được UBND xã Y2, huyện Y3, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 51, quyển số: 01/2012 vào ngày 08/03/2012. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống cùng gia đình anh tại xã Y2, huyện Y3, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 12/2016, chị H qua Đài Loan sinh sống và làm việc. Do khoảng cách địa lý xa xôi, không thường xuyên gặp mặt nên anh và chị H dần dần hết tình cảm. Hai vợ chồng ngày càng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân

roi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không hạnh phúc. Vì nghĩ thương con, vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh và chị H cũng đã ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa.

Nay, sau khi cân nhắc, suy nghĩ kỹ lưỡng và cảm thấy cuộc sống hôn nhân đã quá ngột ngạt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, quan điểm của anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung. Cháu thứ nhất là: Nguyễn Thanh D, sinh ngày 11/10/2013, giới tính: Nữ; cháu thứ hai là: Nguyễn Trường D1, sinh ngày 25/11/2015, giới tính: Nam.

Hiện tại các cháu đang ở cùng với bố, mẹ của anh tức là ông, bà nội của các cháu là ông Nguyễn Văn C (Sinh năm: 1964, CCCD số: 026064010978 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 27/06/2021, địa chỉ: Thôn Y1, xã Y2, huyện Y3, tỉnh Vĩnh Phúc) bà Tạ Thị L1.

Nay ly hôn, anh và chị H thống nhất các cháu Nguyễn Thanh D và Nguyễn Trường D1 sẽ do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tuy nhiên, hiện tại anh đang làm việc ở Đài Loan, nên anh ủy quyền cho bố của anh là ông Nguyễn Văn C thay mặt anh nuôi dưỡng các cháu D và D1 khi anh không có mặt tại Việt Nam.

Con riêng, con nuôi: Không có.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (cháu nào đủ 18 tuổi thì không phải cấp dưỡng cho cháu đó nữa)

Về tài sản chung: Anh xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung: Anh xác định không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh K còn trình bày: Hiện nay anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do điều kiện ở xa và tính chất công việc nên anh không thể có mặt trực tiếp tại Việt Nam trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn. Vì vậy, anh kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cho phép anh được vắng mặt tại toàn bộ quá trình giải quyết ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 31/01/2024, anh K ủy quyền cho bố để anh là ông Nguyễn Văn C thay mặt anh ký và tiếp nhận các văn bản tố tụng, nộp án phí, lệ phí nhà nước tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan tới vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đại Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

+ Xử giao cho anh K được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 11/10/2013 (Nữ) và cháu Nguyễn Trường D1, sinh ngày

25/11/2015 (Nam). Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K mỗi cháu là 1.500.000 đồng/cháu/tháng đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh K, chị H không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Trung K đang ở tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Trung K có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt gửi từ Đài Loan về (Đơn có xác nhận của Văn phòng Kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc). Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trung K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đại Thị H và anh Nguyễn Trung K đăng ký kết hôn ngày 08/3/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được UBND xã Y2, huyện Y3, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đại Thị H và anh Nguyễn Trung K là hợp pháp. Năm 2016 chị Đại Thị H đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng đã sống xa nhau từ năm 2016, không thăm hỏi, động viên, không quan tâm đến nhau nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì khoảng cách địa lý xa xôi, không thường xuyên gặp mặt, ngoài ra do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống không hạnh phúc. Năm 2023 anh K cũng sang Đài Loan lao động, tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được. Hôn nhân giữa chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh K đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy việc ly hôn của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, do vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị H và anh K được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh K công nhận có 02 con chung là: Nguyễn Thanh D, sinh ngày 11/10/2013 và Nguyễn Trường D1, sinh ngày 25/11/2015. Hiện tại các cháu đang ở cùng với ông, bà nội của các cháu là ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị L1. Khi ly hôn, chị H và anh K đều đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh D và cháu Nguyễn Trường D1. Tuy nhiên, do anh K đang làm việc tại Đài Loan, nên anh K ủy quyền cho bố, mẹ của anh là ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị L1 thay mặt anh nuôi dưỡng các cháu D và D1 khi anh không có mặt tại Việt Nam. Hai cháu cũng có nguyện vọng ở với anh K, trong thời gian

anh K đi nước ngoài hai cháu muốn ở với ông, bà nội của các cháu. Ông Nguyễn Văn C, bà Tạ Thị L1 (hiện đang ở thôn Y1, xã Y2, huyện Y3, tỉnh Vĩnh Phúc) có đơn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bày tỏ quan điểm: Nếu Tòa án giao cho anh K được nuôi con thì ông bà nhất trí tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc hai cháu D và D1 cho đến khi anh K về Việt Nam và đón các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K và chị H đều đề nghị chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (cháu nào đủ 18 tuổi thì không phải cấp dưỡng cho cháu đó nữa). Tại phiên tòa chị H trình bày khi lao động tại Đài Loan thì thu nhập của chị trung bình là 20.000.000đ/tháng. Nay chị về Việt Nam một thời gian, sau đó tiếp tục sang Đài Loan lao động. Chị khẳng định đủ điều kiện kinh tế để cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K.

Như vậy, cần xét xử giao cháu Nguyễn Thanh D và cháu Nguyễn Trường D1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/cháu/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (cháu nào đủ 18 tuổi thì không phải cấp dưỡng cho cháu đó nữa).

[2.3] Về tài sản, công nợ và công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Những quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

- Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.
- Chị H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 116, 117, 118 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đại Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trung K.
2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Trung K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 11/10/2013 và cháu Nguyễn Trường D1, sinh ngày 25/11/2015.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đại Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Trung K với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/cháu/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành đối

với khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản, công nợ và công sức: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Chị Đại Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007292 ngày 13/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Chị Đại Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Y2, huyện Y3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Phòng HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành